

Số: 147 /2020 /QĐST- HNGĐ

*Triệu Sơn, ngày 03 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 222/2020/TLST/HNGĐ ngày 6 tháng 7 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1973

Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã K, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 24 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1973

Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1980

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn T và chị Lê Thị D.

- *Về con chung*: Vợ chồng anh, chị có 03 con chung, tên các cháu là Mai Thị Thu H, sinh ngày 28 /6/ 1999; Mai Văn L, sinh ngày 14/7/2003 và cháu Mai Văn Đ, sinh ngày 01/5/2008. Ly hôn vợ chồng anh chị thỏa thuận, thống nhất: Cháu H

trên 18 tuổi đã có gia đình, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản và phần nợ*: Vợ chồng anh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, anh T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) anh T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0004094 ngày 02 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm, trả lại anh T 150.000đ.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND xã K
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**